

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY OPEN UNIVERSITY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO
GUIDELINE FOR ADVANCED PROGRAMME DELIVERY

Ngành/Major: LUẬT KINH TẾ

1. Dự toán chi phí đào tạo - Học phí

Mục	Nội dung	Định mức
	Mức học phí	58,650,000
	Chi phí đào tạo	57,800,000
A	TỔNG CHI PHÍ ĐÀO TẠO	2,312,000,000
I	CÁC CHI PHÍ TRỰC TIẾP	1,101,454,800
1	Các nội dung chi phí ban đầu để mở ngành, tuyển sinh và quảng bá tuyển sinh	85,535,768
1.1	Chi phí biên soạn giáo trình tài liệu	34,301,451
1.2	Chi phí tuyển sinh và quảng bá tuyển sinh	51,234,317
2	Các khoản tiền lương tiền công giảng dạy, đào tạo	21,604,476
2.1	Tiền lương, tiền công giảng viên 1 lớp trong 01 năm	107,458,945
2.2	TLGD giảng viên 1 lớp trong 01 năm	314,145,531
3	Chi phí coi thi, chấm thi	48,963,909
4	Các khoản chi theo quy định về học Bông, nghiên cứu khoa học của cơ sở giáo dục, của sinh viên; chi khai giảng, bế giảng	382,807,718
4.1	Tiền học bổng khuyến khích học tập	221,872,255
4.2	Chi cho sinh viên và người học hoạt động NCKH	160,935,463
5	Chi phí khấu hao TSCĐ trực tiếp phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo	162,542,929
II	CÁC CHI PHÍ QUẢN LÝ, CHI PHÍ GIÁN TIẾP	772,518,992
1	Các khoản chi thường xuyên	120,943,929
2	Chi phí tiền lương, tiền công bộ máy cán bộ quản lý, hành chính, phục vụ	583,413,044
3	Chi Khấu hao TSCĐ	64,027,172
4	Chi phí khác	4,134,847
III	Chi phí chi thu nhập tăng thêm, phúc lợi lễ tết; trích lập các quỹ: khen thưởng phúc lợi, dự phòng ổn định thu nhập	438,026,208

Mục	Nội dung	Định mức
1	Chi phí chi thu nhập tăng thêm, phúc lợi lễ tết	97,230,149
2	Trích lập các quỹ	340,796,059
B	MỨC THU HỌC PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ-CP	2,346,000,000

Quy mô: 40 sinh viên/ lớp

2. Sự tương đồng và khác biệt giữa các Chương trình đào tạo chất lượng cao và các chương trình đào tạo chuẩn

Stt	Nội dung	Chương trình đào tạo chất lượng cao	Chương trình đào tạo chuẩn
1	Chương trình đào tạo	Chương trình đào tạo chất lượng cao và chương trình đào tạo chuẩn đảm bảo đáp ứng các Quy định đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	
	a) Thiết kế chương trình	Chương trình đào tạo chất lượng cao được thiết kế dựa trên chương trình đào tạo chuẩn tương ứng.	Chương trình đào tạo chuẩn được thiết kế phù hợp với các Quy định đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Chương trình đào tạo chuẩn được thiết kế theo định hướng ứng dụng, tăng cường các hoạt động gắn với thực tiễn như báo cáo chuyên đề, tham quan thực tế, kiến tập, thực tập ...
	b) Điều kiện xây dựng Chương trình đào tạo chất lượng cao	<p>Ngành đào tạo có chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên với các trường đại học nước ngoài.</p> <p>- Khoa phụ trách ngành đào tạo có hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất liên quan đến chương trình đào tạo chất lượng cao; có các giảng viên thỉnh giảng, báo cáo viên đến từ tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất.</p> <p>- Trong 05 năm, tính đến thời điểm đề án đào tạo chất lượng cao được hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua, Trường phải có ít nhất 05 công trình nghiên cứu có nội dung liên quan đến ngành đào tạo chất lượng cao được nghiệm thu hoặc được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.</p> <p>- Có kế hoạch phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao trong kế hoạch phát triển tổng thể theo từng giai</p>	

Stt	Nội dung	Chương trình đào tạo chất lượng cao	Chương trình đào tạo chuẩn
		đoạn của Trường đã được Hội đồng Trường quyết nghị thông qua. - Có chương trình đào tạo chất lượng cao được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thông qua và Hiệu trưởng ra quyết định ban hành.	
	c) Chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo chất lượng cao cao hơn Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo chuẩn tương ứng về mặt chuyên môn.	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo chuẩn là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp.
		<i>Tiếng Anh không chuyên</i> Sinh viên Chương trình đào tạo chất lượng cao được đào tạo 10 cấp lớp tiếng Anh nâng cao (30 tín chỉ) và 05 cấp lớp tiếng Anh căn bản (miễn phí). Sinh viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo chất lượng cao đạt năng lực tiếng Anh bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.	<i>Tiếng Anh không chuyên</i> Sinh viên Chương trình đào tạo chuẩn được đào tạo 05 cấp lớp tiếng Anh nâng cao (15 tín chỉ) và 05 cấp lớp tiếng Anh căn bản. Sinh viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo chuẩn đạt năng lực tiếng Anh bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.
		<i>Hoạt động ngoại khóa</i> - Có kế hoạch hoạt động ngoại khóa trong suốt 4 năm học dành cho sinh viên Chương trình đào tạo chất lượng cao.	
		<i>Các môn học giảng dạy bằng tiếng Anh</i> Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế có 05 môn học bắt buộc và 05 môn học tự chọn thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh.	
2	Tuyển sinh	Năng lực tiếng Anh được chú trọng trong tất cả các tổ hợp môn xét tuyển vào Chương trình đào tạo chất lượng cao.	
3	Giảng viên	- Có trình độ thạc sĩ trở lên. Giảng viên dạy lý thuyết các môn học ngành, chuyên ngành có trình độ tiến sĩ hoặc có trình độ thạc sĩ tốt nghiệp ở các	- Có trình độ thạc sĩ trở lên. - Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

M4

Stt	Nội dung	Chương trình đào tạo chất lượng cao	Chương trình đào tạo chuẩn
		trường đại học của các nước phát triển đúng ngành hoặc thuộc ngành gần. - Có năng lực chuyên môn, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, có kinh nghiệm giảng dạy liên quan đến ngành đào tạo chất lượng cao từ 3 năm trở lên, có phương pháp giảng dạy hiệu quả, áp dụng tốt công nghệ thông tin trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học. - Giảng viên dạy các môn học chuyên môn bằng ngoại ngữ, ngoài các tiêu chuẩn nêu trên có trình độ ngoại ngữ bậc 5/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương) hoặc được đào tạo trình độ đại học trở lên toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngôn ngữ đó.	
4	Chủ nhiệm lớp và cố vấn học tập	- Giáo viên chủ nhiệm sinh hoạt lớp: 02 lần/học kỳ - Cố vấn học tập sinh hoạt lớp: 01 lần/học kỳ	- Giáo viên chủ nhiệm sinh hoạt lớp: 01 lần/học kỳ - Cố vấn học tập sinh hoạt lớp: 01 lần/học kỳ
5	Học bổng	- Tỷ lệ phần trăm học bổng được phân bổ cho chương trình đào tạo chất lượng cao và chương trình đào tạo chuẩn là như nhau. - Sinh viên của chương trình đào tạo chất lượng cao và chương trình đào tạo chuẩn đủ điều kiện nhận cùng một loại học bổng (ngoại trừ học bổng khuyến khích học tập).	
		Học bổng khuyến khích học tập Mức học bổng của sinh viên chương trình đào tạo chất lượng cao cao hơn mức học bổng của chương trình đào tạo chuẩn vì học phí của chương trình đào tạo chất lượng cao cao hơn học phí của chương trình đào tạo chuẩn.	Học bổng khuyến khích học tập Mức học bổng của sinh viên chương trình đào tạo chuẩn thấp hơn mức học bổng của chương trình đào tạo chất lượng cao vì học phí của của chương trình đào tạo chuẩn thấp hơn học phí của chương trình đào tạo chất lượng cao.
6	Tổ chức và quản lý đào tạo	Chương trình đào tạo chất lượng cao và chương trình đào tạo chuẩn thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hình thức đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo đáp ứng các Quy định đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	
		Tổ chức đào tạo - Thực hiện theo học chế tín chỉ, sử dụng triệt để phương pháp giảng dạy	

Stt	Nội dung	Chương trình đào tạo chất lượng cao	Chương trình đào tạo chuẩn
		<p>mới theo hướng phát huy năng lực cá nhân của sinh viên, tăng cường rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng sử dụng các trang thiết bị hiện đại và các phần mềm chuyên dụng để giải quyết các nội dung chuyên môn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 20% số tín chỉ các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo được dạy bằng tiếng Anh; Riêng đối với ngành ngôn ngữ, thì tất cả các kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành phải được giảng bằng ngôn ngữ của ngành đào tạo. - Tổ chức cho sinh viên tham quan, thực hành, thực tập tại các tổ chức, doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong hoặc ngoài nước theo kế hoạch; mời các báo cáo viên là các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, nghệ nhân đến từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở trong nước hoặc nước ngoài tham gia giảng dạy, báo cáo chuyên đề, phát triển nghề nghiệp; hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp liên quan để mời tham gia, hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. - Áp dụng các phương pháp đánh giá hiện đại theo hướng chú trọng phát triển năng lực phân tích, thực hành, sáng tạo, tự cập nhật kiến thức; năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trên nguyên tắc khách quan, minh bạch, linh hoạt, bám sát mục tiêu của mỗi môn học và của chương trình đào tạo. - Bố trí đủ người hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm, thực tập; đảm bảo mỗi nhóm thảo luận không quá 30 sinh viên, nhóm thực hành không quá 15 sinh viên, nhóm làm thí nghiệm tại phòng thí nghiệm không quá 5 sinh 	



Stt	Nội dung	Chương trình đào tạo chất lượng cao	Chương trình đào tạo chuẩn
		viên - Trợ giảng tham gia trong các hoạt động giảng dạy và hỗ trợ. Sinh viên được khuyến khích tham gia các khóa đào tạo trợ giảng, được nhận giấy xác nhận tham gia khoá tập huấn trợ giảng và được nhận thù lao trợ giảng.	
		Quản lý đào tạo - Cố vấn học tập, giảng viên ngoài giờ lên lớp phải bố trí thời gian trả lời, giải quyết các vấn đề vướng mắc của sinh viên về nội dung học tập. - Tổ chức lấy ý kiến của sinh viên tối thiểu một lần sau mỗi học kỳ về nội dung, phương pháp giảng dạy của giảng viên; công tác quản lý, phục vụ; điều kiện cơ sở vật chất và tổ chức trả lời những ý kiến phản ánh của sinh viên.	
7	Nghiên cứu khoa học	Nghiên cứu khoa học của sinh viên: - Sinh viên được nhận Học bổng Khuyến khích nghiên cứu khi thực hiện và hoàn thành đề tài nghiên cứu. - Các đề tài nghiên cứu đạt giải thưởng từ cấp Trường sẽ được khen thưởng. Nghiên cứu khoa học của giảng viên: - Giảng viên được hưởng thù lao để giám sát sinh viên thực hiện nghiên cứu và các đề tài đoạt giải. - Giảng viên được tài trợ khi thực hiện các đề tài nghiên cứu. - Giảng viên được xem xét hỗ trợ một phần kinh phí khi thực hiện các đề tài nghiên cứu ngoài Trường (tùy trường hợp cụ thể). - Nhà trường khen thưởng các bài báo được xuất bản trên các tạp chí uy tín và hỗ trợ chi phí nộp, xuất bản, các chi phí liên quan khác. - Nhà trường cũng cung cấp kinh phí nghiên cứu để khuyến khích giảng viên chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sáng chế.	
		Nghiên cứu khoa học của sinh viên - Đây là điều kiện bắt buộc đối với sinh viên chương trình đào tạo chất lượng cao để được xét tốt nghiệp. Sinh viên có thể tham gia vào các dự án nghiên cứu ở cấp Khoa hoặc cấp Trường. - Học bổng khuyến khích nghiên cứu cho sinh viên chương trình đào tạo chất	Nghiên cứu khoa học của sinh viên - Sinh viên chương trình đào tạo chuẩn không bắt buộc phải thực hiện nghiên cứu khoa học.

Stt	Nội dung	Chương trình đào tạo chất lượng cao	Chương trình đào tạo chuẩn
		lượng cao là 150% so với sinh viên chương trình đào tạo chuẩn.	
8	Hợp tác	Nhà trường khuyến khích các Khoa tổ chức các hoạt động Hợp tác quốc tế về đào tạo và Nghiên cứu khoa học, phù hợp với đặc điểm riêng của từng Khoa	
		- Có các chương trình liên kết quốc tế dành cho sinh viên chương trình đào tạo chất lượng cao như Chương trình liên kết với Đại học Flinders, Đại học Bond (Úc) và Đại học South Wales (Anh). - Có nhiều hoạt động trao đổi sinh viên quốc tế dành cho sinh viên chương trình đào tạo chất lượng cao	
9	Cơ sở vật chất	Cung cấp đầy đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng máy tính đảm bảo nhu cầu học tập và giảng dạy	
		Chương trình đào tạo chất lượng cao được tổ chức dạy và học tập trung tại 01 cơ sở (97 Võ Văn Tần, Quận 3) gồm các phòng học, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính, hội trường, phòng họp, phòng giảng viên hướng dẫn, Thư viện, Trạm y tế... Các phòng học được xây dựng trên quy mô nhỏ, được trang bị bàn ghế linh động, có thể hỗ trợ sắp xếp cho các nhóm học tập khác nhau, tăng cường sự tương tác giữa sinh viên và giảng viên. Khuôn viên trường thường xuyên được cải tạo và sửa chữa để có một nơi học tập rộng rãi và thoáng mát. Cây xanh được trang bị trong khuôn viên nhà trường, cung cấp cho sinh viên một môi trường học xanh và sạch.	Chương trình đào tạo chuẩn được tổ chức dạy và học tập trung tại 01 - 02 cơ sở gồm các phòng học, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính, hội trường, phòng họp, phòng giảng viên hướng dẫn, Thư viện, Trạm y tế... Các phòng học được xây dựng trên quy mô lớn hơn so với chương trình đào tạo chất lượng cao, khoảng 70% số lượng phòng học được trang bị bàn ghế linh động. Cây xanh được trang bị trong khuôn viên nhà trường, cung cấp cho sinh viên một môi trường học xanh và sạch.

3. Chương trình đào tạo

- a) Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hình thức đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.
- b) Có ít nhất 20% số tín chỉ các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành được dạy bằng Tiếng Anh.

c) Trên cơ sở chương trình đào tạo, giảng viên biên soạn đề cương chi tiết các môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường với một số điểm như sau:

- Việc triển khai chi tiết các môn học, đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, có quy định các môn học trước của các môn học kế tiếp trong chương trình đào tạo.

- Về yêu cầu thực hiện số lượng bài tập (nếu có) của các môn học, do giảng viên quy định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết và rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho sinh viên.

- Giảng viên xác định phương pháp giảng dạy nhằm đạt được chuẩn đầu ra của môn học và phù hợp với Triết lý giáo dục của Trường.


4. Đội ngũ giảng viên, trợ giảng và cố vấn học tập

a) Giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên. Giảng viên dạy lý thuyết các môn học ngành, chuyên ngành có trình độ tiến sĩ hoặc có trình độ thạc sĩ tốt nghiệp ở các trường đại học của các nước phát triển đúng ngành hoặc thuộc ngành gần;

b) Giảng viên có năng lực chuyên môn, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, có kinh nghiệm giảng dạy liên quan đến ngành đào tạo chất lượng cao từ 3 năm trở lên, có phương pháp giảng dạy hiệu quả, áp dụng tốt công nghệ thông tin trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Mỗi giảng viên được phân công phụ trách không quá 02 môn học/lớp học/học kỳ và không quá 4 môn trong chương trình đào tạo (không bao gồm thực tập tốt nghiệp và đồ án/khoá luận tốt nghiệp).

c) Giảng viên dạy các môn học chuyên môn bằng ngoại ngữ, ngoài các tiêu chuẩn nêu tại khoản a, b mục này có trình độ ngoại ngữ bậc 5/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương) hoặc được đào tạo trình độ đại học trở lên toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngôn ngữ đó;

d) Cố vấn học tập nắm vững chương trình đào tạo, quy định đào tạo theo tín chỉ, quy định đào tạo chất lượng cao và có khả năng hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên trong quá trình học tập; có năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc.

đ) Trợ giảng của chương trình chất lượng cao có đủ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của môn học; sử dụng tốt các thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy để hỗ trợ giảng viên trong hướng dẫn sinh viên thực hiện bài tập, hướng dẫn thực hành, thảo luận, seminar, làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp. Trợ giảng có thể là giảng viên tập sự. 

ngiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên chương trình chất lượng cao hay chương trình liên kết quốc tế đáp ứng yêu cầu của đề án sử dụng trợ lý giảng dạy.

5. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình chất lượng cao

a) Chương trình chất lượng cao được tổ chức đào tạo tại cơ sở học tập ở Trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh (97 Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh). Lớp học có sĩ số ít (khoảng 40 sinh viên/lớp). Phòng học được trang bị máy lạnh và các thiết bị hỗ trợ giảng dạy, học tập hiện đại; sinh viên chương trình chất lượng cao được sử dụng mạng internet không dây trong khuôn viên Trường.

b) Thư viện có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo trong, ngoài nước và được cập nhật thường xuyên cho giảng viên và sinh viên tra cứu và sử dụng trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học, có chỗ cho sinh viên tự học.

c) Có đủ các cơ sở vật chất cần thiết khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

6. Nghiên cứu khoa học

a. Hàng năm, mỗi giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các môn học lý thuyết ngành và chuyên ngành của chương trình chất lượng cao phải có tối thiểu 01 công trình nghiên cứu khoa học được công bố hoặc được nghiệm thu có nội dung liên quan đến ngành đào tạo chất lượng cao.

b. Trong cả khoá học, mỗi sinh viên chương trình chất lượng cao được tham gia nghiên cứu khoa học theo nhóm nghiên cứu do các giảng viên hướng dẫn hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học với giảng viên.

7. Quản lý đào tạo và các hoạt động khác

7.1. Khoa Đào tạo đặc biệt

a) Quản lý công tác đào tạo các chương trình chất lượng cao: kiểm tra kế hoạch thực hiện, rà soát tiêu chuẩn giảng dạy, tổ chức kiến tập, thực tập tại doanh nghiệp.

b) Quản lý và thực hiện công tác sinh viên: hoạt động đoàn hội, câu lạc bộ, cố vấn học tập, chủ nhiệm lớp, chương trình ngoại khoá, giao lưu, trợ giảng, thi đua, khen thưởng.

c) Thực hiện công tác quảng bá tuyển sinh các chương trình chất lượng cao, chương trình liên kết.

d) Quản lý và thực hiện công tác nghiên cứu khoa học sinh viên, nghiên cứu khoa học giữa sinh viên, giảng viên và doanh nghiệp.

e) Thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế như giao lưu và trao đổi sinh viên, kiến

tập, ký kết hợp đồng, xây dựng đề án liên kết.

f) Quản lý và thực hiện các chương trình liên kết đào tạo đại học với đối tác nước ngoài.

g) Quản lý công tác văn thư, lưu trữ, tài chính, cơ sở vật chất, kiểm định.

7.2. Các Khoa có ngành đào tạo chất lượng cao

a) Chủ trì và phối hợp với Khoa Đào tạo đặc biệt trong việc thiết kế chương trình đào tạo chất lượng cao, cập nhật và bổ sung chương trình đào tạo cho phù hợp với quy định và yêu cầu của xã hội;

b) Đề xuất danh sách giảng viên, trợ giảng, cố vấn học tập, người hướng dẫn thảo luận, thực hành và thí nghiệm theo tiêu chuẩn của đào tạo chất lượng cao;

c) Bố trí cán bộ quản lý lớp và chương trình chất lượng cao;

d) Tổ chức báo cáo chuyên đề, tham quan doanh nghiệp, thực tập, kiến tập và các hoạt động chuyên môn khác trong chương trình đào tạo chất lượng cao;

8. Điều kiện chuyển vào/ra chương trình chất lượng cao

a) Không là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định.

b) Ngành và chương trình chuyển đến có tổ chức tuyển sinh cùng một phương thức trong cùng đợt xét tuyển của ngành và chương trình sinh viên đang theo học. Điểm xét tuyển của sinh viên phải bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển cùng một tổ hợp môn trong cùng đợt của ngành chuyển đến, được sự chấp thuận của Phòng Quản lý đào tạo và Ban Giám hiệu phê duyệt.

c) Sinh viên đăng ký chuyển vào/ra chương trình chất lượng cao theo Kế hoạch năm học.

d) Sinh viên chỉ được xét chuyển chương trình một lần duy nhất trong suốt khóa học và được tính là một lần chuyển ngành trong trường hợp trái ngành.

đ) Sinh viên phải hoàn tất chương trình đào tạo của ngành, chương trình chuyển đến trong khoảng thời gian tối đa được phép học của ngành chuyển đến tính từ năm nhập học/trúng tuyển.

g) Đối với các ngành trong cùng năm tuyển sinh có số lượng sinh viên đang theo học dưới 60 (đối với chương trình chuẩn) hoặc dưới 30 (đối với chương trình chất lượng cao), sinh viên không được giải quyết chuyển đi.

9. Danh mục môn học tương đương – thay thế/List of equivalent/alternative courses

Sinh viên chọn học các môn tương đương thay thế, không trùng với môn đã học.

9.1. Danh mục tương đương giữa chương trình cũ và chương trình mới

STT No.	Môn học trong chương trình 2022/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình 2023/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits
1. Danh mục môn học tương đương						
1.	Sinh học đại cương	BIOT6201	2	Sinh học đại cương	BIOT6221	2
2.	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG1339	3	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG1311	3
3.	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG1340	3	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG1312	3
4.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG1341	3	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG1313	3
5.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG1342	3	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG1314	3
6.	Tiếng Anh nâng cao 5	GENG1343	3	Tiếng Anh nâng cao 5	GENG1315	3
7.	Tiếng Anh nâng cao 6	GENG1344	3	Tiếng Anh nâng cao 6	GENG1316	3
8.	Tiếng Anh nâng cao 7	GENG1345	3	Tiếng Anh nâng cao 7	GENG1317	3
9.	Tiếng Anh nâng cao 8	GENG1346	3	Tiếng Anh nâng cao 8	GENG1318	3
10.	Tiếng Anh nâng cao 9	GENG1347	3	Tiếng Anh nâng cao 9	GENG1319	3
11.	Tiếng Anh nâng cao 10	GENG1348	3	Tiếng Anh nâng cao 10	GENG1320	3
12.	Quản lý môi trường	BIOT6214	2	Quản lý môi trường	BIOT6214	2
13.	Thuế và hoạt động kinh doanh	FINA6314	3	Thuế và hoạt động kinh doanh	FINA6332	3
14.	Luật tố tụng dân sự	BLAW6309	3	Luật tố tụng dân sự	BLAW6339	3
15.	Luật tố tụng hình sự	BLAW6201	3	Luật tố tụng hình sự	BLAW6222	3
16.	Pháp luật về các loại hình thương nhân (Tiếng Anh)	BLAW5306	3	Pháp luật về các loại hình thương nhân (Tiếng Anh)	BLAW5324	3
17.	Luật đất đai	BLAW6310	3	Luật đất đai	BLAW6340	3
18.	Kỹ năng soạn thảo văn bản	BLAW6202	2	Kỹ năng soạn thảo văn bản	BLAW6223	2
19.	Kỹ năng viết và nghiên cứu pháp lý	BLAW6203	2	Kỹ năng viết và nghiên cứu pháp lý	BLAW6224	2

STT No.	Môn học trong chương trình 2022/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình 2023/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits
20.	Luật thi hành án dân sự	GLAW6303	3	Luật thi hành án dân sự	BLAW6341	3
21.	Luật lao động	BLAW6302	3	Luật lao động	BLAW6342	3
22.	Luật thuế	BLAW6311	3	Luật thuế	BLAW6343	3
23.	Luật thương mại quốc tế (tiếng Anh)	BLAW5303	3	Luật thương mại quốc tế (tiếng Anh)	BLAW5325	3
24.	Luật sở hữu trí tuệ	BLAW6312	3	Luật sở hữu trí tuệ	BLAW6344	3
25.	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng (Tiếng Anh)	BLAW5304	3	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng (Tiếng Anh)	BLAW5326	3
26.	Pháp luật về luật sư, kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng	BLAW6304	2	Pháp luật về luật sư, kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng	BLAW6345	2
27.	Luật ngân sách nhà nước	BLAW6220	2	Luật ngân sách nhà nước	BLAW6213	2
28.	Luật Tổ tụng hành chính	BLAW6221	2	Luật Tổ tụng hành chính	BLAW6226	2
29.	Quản trị học	BADM5301	3	Quản trị học	BADM6349	3
30.	Nguyên lý kế toán (Tiếng Anh)	ACCO5301	3	Nguyên lý kế toán (Tiếng Anh)	ACCO5336	3
31.	Quản trị học (Tiếng Anh)	BADM5301	3	Quản trị học (Tiếng Anh)	BADM5346	3
32.	Marketing căn bản	BADM6322	3	Marketing căn bản	BADM6346	3
33.	Hành vi tổ chức	BADM6304	3	Hành vi tổ chức	BADM6342	3
34.	Quan hệ công chúng	BADM6320	3	Quan hệ công chúng	BADM6348	3
35.	Giao tiếp liên văn hóa	SEAS6302	3	Giao tiếp liên văn hóa	SEAS6304	3
36.	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	ACCO6311	3	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	ACCO6325	3
37.	Tài chính cá nhân	FINA6313	3	Tài chính cá nhân	FINA6329	3
38.	Thống kê ứng dụng	BADM6302	3	Thống kê ứng dụng	BADM6341	3
5. Danh mục môn học thay thế						
1.	Nguyên lý kế toán	ACCO5301	3	Nguyên lý kế toán	ACCO6329 ACCO6319	3

STT No.	Môn học trong chương trình 2022/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình 2023/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits
2.	Tin học đại cương	COMP6301	3	Tin học văn phòng nâng cao	COMP6303	3
3.	Tin học ứng dụng	COMP6302	3			
4.	Lịch sử nhà nước và pháp luật	BLAW1302	3	Quản trị học	BADM5301 BADM6321 BADM6349 BADM5346	3
5.				Quản trị chiến lược	BADM5306 BADM6324 BADM6358 BADM5367	3
6.	Luật tài chính	BLAW1205	2	Tài chính doanh nghiệp 1	FINA6330 FINA5304 FINA5338	3
7.	Luật học so sánh	BLAW4201	2	Thương mại điện tử	BADM6303 BADM5308	3
8.				Kinh doanh quốc tế	BADM6345 BADM5362 BADM6325	3
6. Danh mục môn học tương đương cho ngành học khác						
1.	Luật lao động (tiếng Anh)	BLAW5305	3	Pháp luật về lao động và việc làm (tiếng Anh)	BLAW5311	3
2.	Luật lao động	BLAW6302	3	Pháp luật về lao động và việc làm	BLAW6321	3
3.	Luật thương mại quốc tế	BLAW5303	3	Luật kinh doanh quốc tế (tiếng Anh)	BLAW5325	3
4.	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng (tiếng Anh)	BLAW5304	3	Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng (tiếng Anh)	BLAW5310	3
5.	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	BLAW6314	3	Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng	BLAW6320	3
7. Danh mục môn học Khoa không còn đào tạo, sinh viên đăng ký học lại cùng khoa khác						
1.	Nhân học đại cương	SOCI6303	3	Nhân học đại cương	SOCI6303	3
2.	Nhập môn tin học	ITEC6301	3	Nhập môn Tin học	ITEC6301	3

STT No.	Môn học trong chương trình 2022/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình 2023/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits
3.	Phát triển cộng đồng	SWOR6302	3	Phát triển cộng đồng	SWOR6302	3
4.	Giao tiếp trong kinh doanh	BADM6301	3	Giao tiếp trong kinh doanh	BADM6340	3
5.	Quản trị nhân lực	BADM6319	3	Quản trị nhân lực	BADM6350	3
6.	Nghiệp vụ giao dịch ngân hàng	ENGL5206	2	Nghiệp vụ giao dịch ngân hàng	ENGL5237	2
7.	Đàm phán trong kinh doanh (tiếng Anh)	ENGL5209	2	Đàm phán trong kinh doanh (tiếng Anh)	ENGL5209	2
8.	Giao tiếp trong kinh doanh (tiếng Anh)	ENGL5210	2	Giao tiếp trong kinh doanh (tiếng Anh)	ENGL5210	2
9.	Quản trị tài chính (tiếng Anh)	FINA5324	2	Quản trị tài chính (tiếng Anh)	FINA5332	2
10.	Tài chính doanh nghiệp 1	FINA6315	3	Tài chính doanh nghiệp 1	FINA6330	3
11.	Tài chính quốc tế	FINA6326	3	Tài chính quốc tế	FINA6326	3
12.	Kế toán tài chính 1	ACCO6340	3	Kế toán tài chính	ACCO6326	3
13.	Kiểm toán 1	ACCO6343	3	Kiểm toán 1	ACCO6343	3
14.	Thanh toán quốc tế	FINA6303	3	Thanh toán quốc tế	FINA6331	3
15.	Tiền tệ và Ngân hàng	FINA6325	3	Tiền tệ và Ngân hàng	FINA6325	3
16.	Quản trị chiến lược	BADM6324	3	Quản trị chiến lược	BADM6362	3
17.	Kinh doanh quốc tế	BADM6325	3	Kinh doanh quốc tế	BADM6345	3
18.	Marketing quốc tế	BADM6326	3	Marketing quốc tế	BADM6347	3

9.2. Danh mục các môn tương đương thay thế dành cho sinh viên chuyển từ chương trình chuẩn sang chương trình chất lượng cao:

STT No.	Môn học trong chương trình Luật Kinh tế chuẩn Subjects in the General Economic Law program			Môn học trong chương trình Luật kinh tế chất lượng cao Subjects in the Advanced Economic Law program		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits
1.	Triết học Mác - Lênin	POLI1304	3	Triết học Mác - Lênin	POLI1304	3
2.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	POLI1205	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	POLI1205	2
3.	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	POLI1206	2	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	POLI1206	2
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI1207	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI1207	2
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI1208	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI1208	2
6.	Kinh tế học đại cương	SEAS2301	3	Kinh tế học đại cương	ECON6301	3
7.	Kinh tế vi mô	ECON1301	3	Kinh tế vi mô	ECON6302	3
8.	Kinh tế vĩ mô	ECON1302	3	Kinh tế vĩ mô	ECON6303	3
9.	Xã hội học đại cương	SOCI1301	3	Xã hội học đại cương	SOCI6301	3
10.	Tâm lý học đại cương	SOCI1317	3	Tâm lý học đại cương	SOCI6302	3
11.	Đại cương văn hoá Việt Nam	VIET1305	3	Đại cương văn hoá Việt Nam	VIET6301	3
12.	An sinh xã hội	SWOR1302	3	An sinh xã hội	SWOR6301	3
13.	Tiếng Việt thực hành	VIET1201	2	Tiếng Việt thực hành	VIET6201	2
14.	Cơ sở ngôn ngữ học	VIET1306	3	Cơ sở ngôn ngữ học	VIET6302	3
15.	Pháp luật đại cương	GLAW1315	3	Pháp luật đại cương	GLAW6301	3
16.	Lý luận nhà nước và pháp luật	BLAW1301	3	Lý luận nhà nước và pháp luật	BLAW6301	3
17.	Giải tích	MATH1314	3	Giải tích	MATH6301	3
18.	Đại số tuyến tính	MATH1313	3	Đại số tuyến tính	MATH6302	3
19.	Xác suất và thống kê	MATH1315	3	Xác suất và thống kê	MATH6303	3
20.	Thống kê ứng dụng	BADM1305	3	Thống kê ứng dụng	BADM6341	3
21.	Logic học	ACCO1328	3	Logic học	ACCO6317	3
22.	Tư duy phản biện	BLAW1309	3	Tư duy phản biện	BLAW6303	3
23.	Thống kê xã hội	SOCI2302	3	Thống kê xã hội	SOCI6304	3
24.	Hóa đại cương	CHEM1303	3	Hóa đại cương	CHEM6301	3
25.	Sinh học đại cương	BIOT1201	2	Sinh học đại cương	BIOT6221	2
26.	Con người và môi trường	BIOT1347	3	Con người và môi trường	BIOT6335	3

STT No.	Môn học trong chương trình Luật Kinh tế chuẩn Subjects in the General Economic Law program			Môn học trong chương trình Luật kinh tế chất lượng cao Subjects in the Advanced Economic Law program		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits
27.	Tin học văn phòng nâng cao	COMP1310	3	Tin học văn phòng nâng cao	COMP6303	3
28.	Luật Hiến pháp	BLAW2301	3	Luật Hiến pháp	BLAW6325	3
29.	Luật hành chính	BLAW2302	3	Luật hành chính	BLAW6326	3
30.	Luật hình sự	BLAW2305	3	Luật hình sự	BLAW6327	3
31.	Luật dân sự 1	BLAW2304	3	Luật dân sự 1	BLAW6328	3
32.	Luật dân sự 2	BLAW2306	3	Luật dân sự 2	BLAW6329	3
33.	Luật tố tụng dân sự	BLAW3302	3	Luật tố tụng dân sự	BLAW6339	3
34.	Luật tố tụng hình sự	BLAW1204	2	Luật tố tụng hình sự	BLAW6222	2
35.	Luật đất đai	BLAW3304	3	Luật đất đai	BLAW6340	3
36.	Tư pháp quốc tế	BLAW3305	3	Tư pháp quốc tế	BLAW6330	3
37.	Kỹ năng soạn thảo văn bản	BLAW1212	2	Kỹ năng soạn thảo văn bản	BLAW6223	2
38.	Kỹ năng viết và nghiên cứu pháp lý	BLAW1213	2	Kỹ năng viết và nghiên cứu pháp lý	BLAW6224	2
39.	Luật hôn nhân và gia đình	BLAW1203	2	Luật hôn nhân và gia đình	BLAW6204	2
40.	Luật thi hành án dân sự	BLAW1331	3	Luật thi hành án dân sự	BLAW6341	3
41.	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	BLAW1211	2	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	GLAW6205	2
42.	Luật lao động	BLAW2303	3	Luật lao động	BLAW6342	3
43.	Luật thuế	BLAW1332	3	Luật thuế	BLAW6343	3
44.	Luật sở hữu trí tuệ	BLAW4304	3	Luật sở hữu trí tuệ	BLAW6344	3
45.	Luật cạnh tranh	BLAW4302	3	Luật cạnh tranh	BLAW6331	3
46.	Luật môi trường	BLAW2311	3	Luật môi trường	BLAW6332	3
47.	Luật ngân hàng	BLAW2203	2	Luật ngân hàng	BLAW6208	2
48.	Luật kinh doanh bảo hiểm	BLAW4205	2	Luật kinh doanh bảo hiểm	BLAW6209	2
49.	Luật kinh doanh bất động sản	BLAW2313	3	Luật kinh doanh bất động sản	BLAW6333	3
50.	Pháp luật về xuất nhập khẩu	BLAW4202	2	Pháp luật về xuất nhập khẩu	BLAW6210	2

STT No.	Môn học trong chương trình Luật Kinh tế chuẩn Subjects in the General Economic Law program			Môn học trong chương trình Luật kinh tế chất lượng cao Subjects in the Advanced Economic Law program		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits
51.	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	BLAW3202	2	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	BLAW6211	2
52.	Luật thương mại điện tử	BLAW3212	2	Luật Thương mại điện tử	BLAW6212	2
53.	Pháp luật về luật sư, kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng	BLAW1334	3	Pháp luật về luật sư, kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng	BLAW6345	3
54.	Pháp luật cộng đồng ASEAN	GLAW3303	3	Pháp luật cộng đồng ASEAN	GLAW6305	3
55.	Luật ngân sách nhà nước	BLAW1205	2	Luật ngân sách nhà nước	BLAW6213	2
56.	Luật Tố tụng hành chính	GLAW3204	2	Luật Tố tụng hành chính	BLAW6226	2
57.	Luật học so sánh	BLAW4201	2	Luật học so sánh	BLAW6214	2
58.	Lịch sử nhà nước và pháp luật	BLAW1302	3	Lịch sử nhà nước và pháp luật	BLAW6316	3
59.	Nguyên lý kế toán	ACCO2301	3	Nguyên lý kế toán	ACCO6329	3
60.	Quản trị học	BADM1301	3	Quản trị học	BADM6349	3
61.	Marketing căn bản	BADM2301	3	Marketing căn bản	BADM6346	3
62.	Hành vi tổ chức	BADM3315	3	Hành vi tổ chức	BADM6342	3
63.	Kinh tế xây dựng	CENG2319	3	Kinh tế xây dựng	CENG6301	3
64.	Quản trị nhân lực	BADM2303	3	Giao tiếp liên văn hóa	SEAS6304	3
65.	Giới và phát triển	SWOR2336	3	Giới và phát triển	SWOR6303	3
66.	Quan hệ công chúng	BADM3305	3	Quan hệ công chúng	BADM6348	3
67.	Giao tiếp liên văn hóa	SEAS1305	3	Giao tiếp liên văn hóa	SEAS6304	3
68.	Phát triển sản phẩm CNSH	BIOT4242	2	Phát triển sản phẩm CNSH	BIOT6202	2
69.	Quản lý môi trường	BIOT3216	2	Quản lý môi trường	BIOT6214	2
70.	Dinh dưỡng người	BIOT3224	2	Dinh dưỡng người	BIOT6204	2
71.	Thương mại điện tử	BADM1373	3	Thương mại điện tử	BADM6303	3
72.	Hệ thống hoạch định nguồn lực DN	MISY3302	3	Hệ thống hoạch định nguồn lực DN	ACCO6325	3
73.	Tài chính cá nhân	FINA3311	3	Tài chính cá nhân	FINA6329	3

STT No.	Môn học trong chương trình Luật Kinh tế chuẩn Subjects in the General Economic Law program			Môn học trong chương trình Luật kinh tế chất lượng cao Subjects in the Advanced Economic Law program		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits
74.	Thuế và hoạt động kinh doanh	FINA3318	3	Thuế và hoạt động kinh doanh	FINA6332	3
75.	Khởi nghiệp	BADM2315	3	Khởi nghiệp	BADM6344	3
76.	Thực tập tốt nghiệp	BLAW4899	4	Thực tập tốt nghiệp	BLAW6401	4
77.	Khóa luận tốt nghiệp	BLAW4699	6	Khóa luận tốt nghiệp	BLAW6601	6

9.3. Danh mục các môn tương đương thay thế dành cho sinh viên chuyển từ chương trình chất lượng cao sang chương trình chuẩn:

Sinh viên được xét theo danh mục chuyển từ chương trình Luật Kinh tế chuẩn sang chương trình Luật kinh tế chất lượng cao và bổ sung thêm các môn học sau:

STT No.	Môn học trong chương trình Luật kinh tế chất lượng cao Subjects in the Advanced Economic Law program			Môn học trong chương trình Luật Kinh tế chuẩn Subjects in the General Economic Law program		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits
1.	Pháp luật về các loại hình thương nhân (Tiếng Anh)	BLAW5324	3	Pháp luật về các loại hình thương nhân	BLAW1330	3
2.	Pháp luật về hoạt động thương mại (Tiếng Anh)	BLAW5315	3	Pháp luật về hoạt động thương mại	BLAW3308	3
3.	Phá sản và giải quyết tranh chấp (Tiếng Anh)	BLAW5210	2	Phá sản và giải quyết tranh chấp	BLAW2202	2
4.	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế 1	BLAW6205	2	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế	BLAW1333	3
5.	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế 2	BLAW6206	2			
6.	Công pháp quốc tế (Tiếng Anh)	BLAW5308	3	Công pháp quốc tế	BLAW3301	3
7.	Luật thương mại quốc tế (tiếng Anh)	BLAW5325	3	Luật thương mại quốc tế	BLAW4301	3

STT No.	Môn học trong chương trình Luật kinh tế chất lượng cao Subjects in the Advanced Economic Law program			Môn học trong chương trình Luật Kinh tế chuẩn Subjects in the General Economic Law program		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits
8.	Luật đầu tư (Tiếng Anh)	BLAW5316	3	Luật đầu tư	BLAW2312	3
9.	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng (Tiếng Anh)	BLAW5326	3	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	BLAW1336	3
10.	Nguyên lý kế toán (Tiếng Anh)	ACCO5336	3	Nguyên lý kế toán	ACCO2301	3
11.	Quản trị học (Tiếng Anh)	BADM5346	3	Quản trị học	BADM1301	3
12.	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	BADM5307	2	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	BADM2327	3
13.	Thuật ngữ pháp lý tiếng Anh	BLAW5327	3	Thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh	BLAW1335	3

10. Những lưu ý khi thực hiện chương trình đào tạo/Remarks for programme delivery

10.1. Tính liên thông/Transferability

Chương trình đào tạo trình độ đại học đã chú ý đến tính liên thông, đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp đại học có thể học lên trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ về luật học

* Các môn học đảm bảo tính liên thông giữa các ngành học:

- Triết học;
- Luật tài sản;
- Luật hợp đồng;
- Luật công ty;
- Luật thương mại quốc tế;
- Pháp luật về giải quyết tranh chấp dân sự, thương mại quốc tế;
- Phương pháp nghiên cứu khoa học luật;
- Luật sở hữu trí tuệ;
- Pháp luật về bảo đảm nghĩa vụ;
- Luật cạnh tranh;
- Luật lao động;
- Pháp luật ngân hàng và chứng khoán;

- Luật phá sản;
- Pháp luật về đất đai và môi trường trong kinh doanh.

*** Các chuẩn đầu ra đảm bảo tính liên thông với trình độ cao hơn:**

- Kiến thức:
 - + Phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực pháp luật kinh doanh;
 - + Phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề chuyên môn thuộc về lĩnh vực pháp luật dân sự, pháp luật hình sự; về quản trị, kinh tế, tài chính theo lĩnh vực quan tâm;
 - + Áp dụng các kiến thức triết học trong việc quản trị và quản lý.
- Kỹ năng:
 - + Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề trong lĩnh vực pháp luật kinh doanh một cách khoa học;
 - + Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề trong lĩnh vực pháp luật kinh doanh với người cùng ngành và với những người khác;
 - + Có kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp;
 - + Có kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ, tương đương bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
- Mức tự chủ và trách nhiệm:
 - + Khả năng thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác;
 - + Khả năng đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật kinh doanh;
 - + Khả năng quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực pháp luật kinh doanh.

10.2. Xây dựng đề cương chi tiết các môn học/Course design

Trên cơ sở chương trình đào tạo, giảng viên biên soạn đề cương chi tiết các môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường với một số điểm cần lưu ý như sau:

– Về việc triển khai chi tiết các môn học, đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, có quy định các môn học trước khi của môn học kế tiếp trong chương trình đào tạo;

– Về nội dung, trừ phần kiến thức tự chọn, các môn học còn lại là bắt buộc thực hiện. Nội dung trong đề cương là những nội dung cốt lõi của môn học, có thể bổ sung thêm *my*

nội dung hay thời lượng cho một môn học nào đó, phần thời lượng thêm vào được lấy từ thời lượng môn học tự học của khối kiến thức tương ứng;

– Về phần kiến thức tự chọn, sinh viên lựa chọn các môn học trên cơ sở số tín chỉ tích lũy quy định cho nhóm môn học tự chọn để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ. Phần kiến thức tự chọn hàng năm có thể thay đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu cập nhật và hội nhập;

– Về yêu cầu thực hiện số lượng bài tập (nếu có) của các môn học, do giảng viên quy định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện kỹ năng cần thiết;

Về tài liệu học tập, tất cả các môn học đều có giáo trình/tập bài giảng/tài liệu tham khảo/tài liệu hướng dẫn... đã in sẵn để cung cấp cho sinh viên. Tùy theo nội dung các môn học, giảng viên xác định phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

11. Tốt nghiệp/Graduation

Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

- Tích lũy đủ số môn học, số tín chỉ tối thiểu và đạt các yêu cầu khác về chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo.

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 (theo thang điểm 4) trở lên.

- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh và hoàn thành môn học Giáo dục thể chất.

- Có đơn gửi Phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khóa học.


11.1. Tốt nghiệp với Khóa luận tốt nghiệp/Graduation with thesis

Sinh viên được đăng ký để thực hiện Khóa luận tốt nghiệp nếu đủ các điều kiện sau:

- Điểm trung bình đạt từ 3.0 trở lên của các môn học tương ứng (trừ 10 tín chỉ các môn tốt nghiệp và áp dụng theo thang điểm 4);

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình;

Điểm thực tập tốt nghiệp đạt từ 8,0 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc từ 3,5 trở lên (theo thang điểm 4) và được sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn.

11.2. Tốt nghiệp với các môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp/Graduation with alternative course 

Đối với các môn học tích lũy để tốt nghiệp, sinh viên có thể học tích lũy dần dần ở các học kỳ. Các môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp được lựa chọn từ các môn học tự chọn thuộc kiến thức ngành tự chọn, kiến thức chuyên ngành tự chọn để đảm bảo đủ khối lượng tối thiểu 06 tín chỉ tích lũy theo quy định.